



# QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC THUỐC BẤT LỢI TRONG THỰC HÀNH LÂM SÀNG TẠI BỆNH VIỆN LÃO KHOA TRUNG ƯƠNG

Vũ Thị Trinh\*, Lê Thị Phương\*\*, Nguyễn Mai Hoa\*\*, Nguyễn Hoàng Anh\*\*, Phan Việt Sinh\*

\* Bệnh viện Lão khoa Trung Ương

\*\* Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Tương tác thuốc trên bệnh nhân cao tuổi luôn là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong thực hành lâm sàng. Tình trạng sử dụng đồng thời nhiều thuốc cùng với những thay đổi về dược động học và dược lực học khiến người cao tuổi thường có nguy cơ cao gặp phải các tương tác thuốc bất lợi.

## MỤC TIÊU

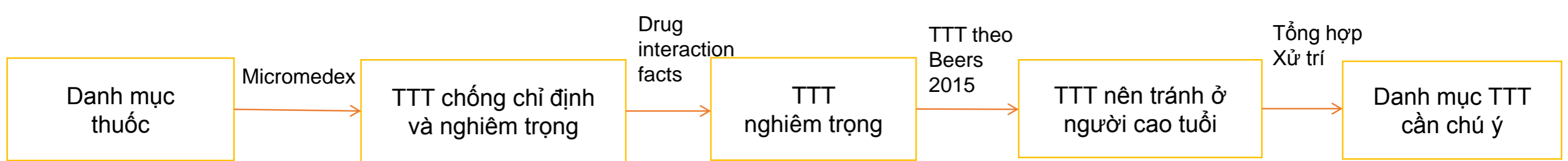
- Xây dựng Danh mục Tương tác thuốc cần chú ý trong thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Lão khoa Trung Ương
- Đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn, can thiệp của dược sĩ trong giảm thiểu tương tác bất lợi trong thực hành lâm sàng.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Mục tiêu 1: Xây dựng Danh mục Tương tác thuốc cần chú ý**

**Đối tượng nghiên cứu:** Danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Lão khoa Trung Ương năm 2017.

**Phương pháp nghiên cứu:** Quy trình xây dựng Danh mục Tương tác thuốc (TTT) như sau:



**Mục tiêu 2: Đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn, can thiệp của Dược sĩ**

Sử dụng Danh mục Tương tác thuốc đã xây dựng, tiến hành rà soát bệnh án nội trú tại 4 khoa nghiên cứu trong 2 giai đoạn: trước can thiệp (từ 01/01/2017 đến 31/10/2017) và can thiệp (từ 01/03/2018 đến 31/03/2018) để ghi nhận TTT.

Trong giai đoạn can thiệp, khi phát hiện có TTT, dược sĩ trao đổi với bác sĩ kê đơn và đưa ra hướng xử trí. Tiếp tục theo dõi đơn thuốc/ bệnh án của bệnh nhân để đánh giá mức độ chấp nhận của bác sĩ đối với tư vấn của dược sĩ. Mức độ chấp nhận tư vấn của bác sĩ được đánh giá theo 3 mức độ: *chấp nhận* (đồng thuận là có TTT và chấp nhận thay đổi đơn thuốc), *chấp nhận một phần* (đồng thuận là có TTT nhưng chưa chấp nhận thay đổi đơn thuốc), *không chấp nhận* (không đồng thuận là có TTT và không thay đổi đơn thuốc).

## KẾT QUẢ

### Mục tiêu 1: Xây dựng Danh mục Tương tác thuốc

**Bảng 1: Danh mục Tương tác thuốc cần chú ý**

| TT                             | Cặp tương tác  | Mức độ nặng  | TT | Cặp tương tác   | Mức độ nặng  |
|--------------------------------|--|--------------|----|---|--------------|
| <b>Tương tác dược lực học</b>  |  |              |    |   |              |
| 1                              | Linezolid<br>Levodopa                                      | CCĐ          | 26 | Linezolid<br>Thuốc kích thích thần kinh giao cảm (dopamin, adrenalin, noradrenalin)   | Nghiêm trọng |
| 2                              | Linezolid<br>SSRI (sertralin, fluvoxamin)                  | CCĐ          | 27 | Kháng cholinergic<br>Kháng cholinergic  | Nghiêm trọng |
| 3                              | Linezolid<br>Sumatriptan                                   | CCĐ          | 28 | Corticosteroid<br>Celecoxib, piroxicam, meloxicam   | Nghiêm trọng |
| 4                              | Tramadol<br>Linezolid                                      | CCĐ          | 29 | ≥ 2 CNS khác<br>TCA, SSRI<br>Thuốc chống loạn thần<br>BZD, non-BZD, chất chủ vận receptor BZD<br>Thuốc giảm đau chủ vận receptor opioid | Nghiêm trọng |
| 5                              | Amitriptylin<br>Linezolid                                  | Nghiêm trọng | 30 |   | Nghiêm trọng |
| 6                              | Risperidon<br>Sertralin                                    | Nghiêm trọng | 31 |   | Nghiêm trọng |
| 7                              | Tramadol<br>SSRI (sertralin, fluvoxamin)                   |              | 32 | Nghiêm trọng  |              |
| <b>Tương tác dược động học</b> |  |              |    |   |              |
| 8                              | Azithromycin, clarithromycin<br>Levofloxacin, moxifloxacin | Nghiêm trọng | 33 | Digoxin<br>Amiodaron  | Nghiêm trọng |
| 9                              | Amiodaron<br>Levofloxacin, moxifloxacin                    | Nghiêm trọng | 34 | Digoxin<br>Azithromycin, clarithromycin   | Nghiêm trọng |
| 10                             | Amitriptylin<br>Levofloxacin, moxifloxacin                 | Nghiêm trọng | 35 | Digoxin<br>Lợi tiểu thiazid   | Nghiêm trọng |
| 11                             | Fluconazol<br>Levofloxacin, moxifloxacin                   | Nghiêm trọng | 36 | Clarithromycin<br>Nifedipin   | Nghiêm trọng |
| 12                             | Chlorpromazin<br>Levofloxacin, moxifloxacin                | Nghiêm trọng | 37 | Clopidogrel<br>PPI (esomeprazol, lansoprazol, rabeprazol)   | Nghiêm trọng |
| 13                             | Amiodaron<br>Azithromycin, clarithromycin                  | Nghiêm trọng | 38 | Amiodaron<br>Simvastatin, atorvastatin  | Nghiêm trọng |
| 14                             | Amiodaron<br>Metronidazol                                  | Nghiêm trọng | 39 | Clarithromycin<br>Simvastatin, atorvastatin   | Nghiêm trọng |
| 15                             | Chlorpromazin<br>Haloperidol                               | Nghiêm trọng | 40 | Amlodipin<br>Simvastatin  | Nghiêm trọng |
| 16                             | Clozapin<br>Risperidon                                     | Nghiêm trọng | 41 | Fenofibrat<br>Statin  | Nghiêm trọng |
| 17                             | Clozapin<br>SSRI (sertralin, fluvoxamin)                   | Nghiêm trọng | 42 | Colchicin<br>Statin (simvastatin, atorvastatin)   | Nghiêm trọng |
| 18                             | Spironolacton<br>ACEi (perindopril, lisinopril)            | Nghiêm trọng | 43 | Colchicin<br>Clarithromycin   | Nghiêm trọng |
| 19                             | Spironolacton<br>Chế phẩm chứa kali                        | Nghiêm trọng | 44 | Colchicin<br>Fluconazol   | Nghiêm trọng |
| 20                             | Clopidogrel<br>Celecoxib                                   | Nghiêm trọng | 45 | Carbamazepin<br>Clarithromycin  | Nghiêm trọng |
| 21                             | Clopidogrel<br>Aspirin                                     | Nghiêm trọng | 46 | Glimepirid<br>Levofloxacin, moxifloxacin  | Nghiêm trọng |
| 22                             | Aspirin<br>Celecoxib, piroxicam, meloxicam                 | Nghiêm trọng | 47 | Ciprofloxacin<br>Theophyllin  | Nghiêm trọng |
| 23                             | Rivaroxaban<br>Piroxicam, meloxicam, aspirin               | Nghiêm trọng | 48 | Carbapenem<br>Acid valproic/ Valproat   | Nghiêm trọng |
| 24                             | Amikacin<br>Atracurium                                     | Nghiêm trọng | 49 | Metoclopramid<br>SSRI (sertralin, fluvoxamin)   | Nghiêm trọng |
| 25                             | Amikacin<br>Furosemid                                      | Nghiêm trọng |    |   |              |

ACEi: ức chế men chuyển  
PPI: thuốc ức chế bơm proton

BZD: benzodiazepin  
SSRI: ức chế thu hồi chọn lọc serotonin

CNS: thuốc tác động trên hệ TKT  
TCA: chống trầm cảm

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abarca J., Malone D. C., et al. (2004), "Concordance of severity ratings provided in four drug interaction compendia", *J Am Pharm Assoc* (2003), 44(2), pp. 136-41.
2. David S.Tatro, Pharm D (2015), *Drug Interaction Facts*, Wolters Kluwer Health.

### Mục tiêu 2: Đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn, can thiệp của Dược sĩ

**Bảng 2. Tỷ lệ tương tác thuốc/ bệnh án của các khoa nghiên cứu**

| Khoa                          | Tỷ lệ bệnh án có TTT (%) |               | p     |
|-------------------------------|--------------------------|---------------|-------|
|                               | GD trước tư vấn          | GD tư vấn     |       |
| Tổng 4 khoa                   | 259/2169 (11,9%)         | 30/416 (7,2%) | 0,005 |
| Thần kinh - Alzheimer         | 161/1085 (14,9%)         | 17/186 (9,1%) | 0,039 |
| Ung bướu và Điều trị giảm nhẹ | 21/137 (15,3%)           | 3/60 (5,0%)   | 0,041 |
| Nội tiết - Cơ xương khớp      | 61/809 (7,5%)            | 4/115 (3,5%)  | 0,111 |
| Tim mạch can thiệp ngoại      | 16/138 (11,6%)           | 6/55 (10,9%)  | 0,892 |

**Bảng 3. Mức độ chấp nhận tư vấn của bác sĩ**

| Cặp tương tác   | Số lượt xuất hiện | Mức độ chấp nhận tư vấn (tỷ lệ %) |                    |                 |
|---|-------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------|
|   |                   | Chấp nhận                         | Chấp nhận một phần | Không chấp nhận |
| Clopidogrel – PPI   | 19                | 15 (78,9%)                        | 4 (21,1%)          | 0               |
| Spironolacton - ACEi  | 5                 | 5 (100%)                          | 0                  | 0               |
| Spironolacton - kali  | 1                 | 1 (100%)                          | 0                  | 0               |
| Amitriptylin-trihexyphenidyl                                      | 2                 | 0                                 | 2 (100%)           | 0               |
| Thuốc chống loạn thần kết hợp ≥ 2 thuốc tác động lên hệ TKTW khác | 5                 | 0                                 | 5 (100%)           | 0               |
| <b>Tổng số</b>  | <b>32</b>         | <b>21 (65,6%)</b>                 | <b>11 (34,4%)</b>  | <b>0</b>        |

## KẾT LUẬN

Như vậy, các tư vấn, can thiệp của dược sĩ lâm sàng đã bước đầu mang lại hiệu quả trong giảm thiểu tương tác thuốc bất lợi, đem lại ý nghĩa to lớn trong quản lý tương tác thuốc trên người cao tuổi tại bệnh viện Lão khoa Trung Ương nói riêng và lĩnh vực lão khoa nói chung.